

TÔNG CẢNH LỤC

QUYÊN 41

Hỏi: Phàm tông đây làm sao đi đến liền được tương ứng?

Đáp: Hưởng đến đó tức trái, gần đó tức lia, chấp lấy đó lại mất, gấp đó lại chậm, ngàn Thánh khoanh tay mà không so lường, một môn vào sâu mà quên hiểu biết. Đây là pháp môn tự thể trong tâm, chẳng phải đợi hỏi đáp mà được. Như trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

*“Ý ta khó thể lường,
Cũng không người hay hỏi,
Không hỏi mà tự nói,
Ngợi ca chỗ hành đạo.”*

Do đó các bậc Tiên đức nói: “Các Tổ cùng truyền diệu tâm chân như Thánh trí tự giác thanh tịnh của chư Phật, chẳng đồng như có được văn tự ở thế gian. Nếu có tổ ngộ pháp tánh chân thật đây thì người ấy rõ biết chư Phật ba đời và tất cả chúng sinh đồng một pháp giới xưa nay bình đẳng thường hằng chẳng biến đổi”. Hòa thượng Tào sơn trước đây có kệ tụng nói:

*“Theo duyên tiến được tương ứng chóng,
Nương thể tiêu cơ đạo tức chậm,
Lướt qua xưa nay không nơi chốn,
Thầy ta tạm nói chẳng nghĩ bàn”.*

Nên biết ngàn Thánh đều đặt để một niệm tâm đây lúc khởi trọn chẳng thể được. Đó thật là chẳng thể nghĩ bàn, lia đây quyết định riêng không thù thắng, thấu rõ như vậy há chẳng phải nhanh chóng ư? Nào đợi tiêu dung mới có thể thấy đạo. Nếu chẳng thấy ngay việc ấy, muốn dùng ý hiểu tình cầu thì như đem cung sừng thỏ giá mũi tên lông rùa, người dùng không tay định bắn nát núi Tu-di, tợ đổ dầu đèn cát châm lửa không khói, chứa trong chén rò muốn chiếu phá tối của Thiết-vi, nhọc sai sử tâm cuồng, điều đó không thể có. Nên trong kinh Tư Ích nói: “Hỏi: Dùng pháp gì tu đạo? Đáp: Chẳng dùng pháp thấy nghe hay biết, chẳng dùng đắc, chẳng dùng chứng, đối với tất cả pháp không tương

không bày, gọi là tu đạo”. Trong Hoa Nghiêm sơ nói: “Đốn giáo là bao gồm chẳng nói pháp tướng, chỉ biện rõ chân tánh, không có tướng của tám thức sai biệt”. Giải thích Tám thức tâm vương còn không sai biệt huống gì tâm sở biến đầu đáng có ư? Tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt. Nên trong luận Khởi Tín nói: “Tất cả các pháp chỉ nương tựa vọng tưởng mà có sai biệt, nếu lìa tâm niệm thì không tướng tất cả cảnh giới, cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay, lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng, không có biến đổi khác, chỉ là một tâm, nên gọi là chân như. Vì tất cả ngôn thuyết giả danh không thật chỉ tùy theo vọng niệm chẳng thể được vậy. Do đó trong sơ nói: Tất cả chỗ có chỉ là vọng tưởng, tất cả pháp giới chỉ là vọng ngôn. Nên trong luận Khởi Tín nói: “Nói chân như là cũng không có tướng, nghĩa là cùng cực của ngôn thuyết, nhân ngôn từ dứt trừ ngôn từ. Thể chân như đây không thể dứt trừ, vì tất cả pháp đều là chân vậy, cũng không thể lập. Vì tất cả pháp đều đồng như vậy, phải biết tất cả pháp chẳng thể nói chẳng thể nghĩ, nên gọi là chân như, thì tánh tất cả pháp đều lìa ngôn ngữ, cũng thông bốn thứ pháp giới đều không thể nói, gọi là không cộng được vật, vật không thật đáng danh xưng, lý vốn không ngôn từ vậy. Sự lý giao triệt không thể làm thuyết lý sự, sự sự tương tức, chẳng thể làm thuyết một nhiều. Như kinh Lăng-già tuy nói rõ năm pháp: Danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như, cả năm đều không tịch. Tại sao? Nghĩa là mê như do thành danh tướng, vọng tưởng là sinh, ngộ gốc như của danh tướng, vọng bèn xứng trì thì không danh tướng vọng tưởng, chỉ như thật vậy, trí nhân như lập, trí thể cũng không, Như nhờ trí rõ, xưa nay thường tịch, nên đều không vậy. Huống gì tám thức nói về sự đều là duyên sinh không tánh, nhân có ngã pháp nói hai không ngã, ngã còn chẳng được, không ngã sao còn? Nên trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

*“Chư Phật hoặc nói ngã,
Hoặc nói về không ngã,
Trong thật tướng các pháp,
Không ngã không chẳng ngã”.*

Nếu cả hai đều dứt trừ. Trong sơ nói: “Trách giáo khuyên lìa hủy tướng sạch tâm”. Trách giáo nghĩa là dùng tâm truyền tâm, chẳng ở văn tự, khuyên lìa là khiến lìa pháp. Pháp tuy vô lượng nhưng không vượt ngoài sắc và tâm, lìa tâm tâm như, lìa sắc sắc như, nên khiến đều lìa thì khế hợp tâm thể lìa niệm vậy. Hủy tướng là nói về cảnh, phàm có tướng đều là hư vọng. Hết tâm là nói về trí, rõ cảnh tướng không, giả

xưng là trí, tướng đã chẳng có, trí đâu có chân. Tâm cảnh đều mất thì đều sạch tuyệt, tâm không tâm tướng tức là an tâm, nên nói sinh tâm tức vọng, chẳng sinh tức Phật. Nói sinh tâm là chẳng phải chỉ sinh ở các tâm khác, giả sử sinh Bồ-đề Niết-bàn, quán tâm thấy tánh cũng gọi là sinh tâm, đều là vọng tướng. Niệm tướng đều tịch mới gọi là chẳng sinh, tịch chiếu hiện tiền há chẳng gọi là Phật. Nên trong văn bia Đạt-ma nói: “Tâm có thì nhiều kiếp đăm kẹt ở phàm phu, tâm không thì sát-na thành Chánh giác”. Nói tâm không là chẳng phải rõ tâm không chẳng sinh ở rõ vậy. Nên Vi thị ngự hỏi Hòa thượng Ngưỡng Sơn về yếu chỉ rõ tâm. Hòa thượng đáp: “Nếu muốn rõ tâm, không tâm có thể rõ, rõ của không rõ, đó là thật rõ”. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói: “Tất cả pháp chẳng sinh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu năng hiểu như vậy, chư Phật thường hiện tiền”. Nói hiểu nên biết là như chẳng sinh, hiểu mà không tướng hiểu, chẳng phải gọi là không hiểu ở chẳng sinh vậy. Trong sớ nói: “Không Phật không chẳng Phật, không chúng sinh không chẳng chúng sinh”, lại phải trừ vết trước, vì mê chúng sinh nói tức tâm tức Phật, đã không chúng sinh, nào từng có Phật. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

*“Bình đẳng chân pháp giới,
Không Phật không chúng sinh,
Chấp Phật nói không Phật,
Chẳng phải là không Phật”.*

Nên nói không chẳng Phật vậy, thì khiến trừ đó lại khiến trừ đó, nếu có đặc phần ít đều là vọng tướng. Nên trong kinh Phật Tạng nói: “Đối với pháp có đặc phần ít thì cùng Phật tranh cãi vậy. Tranh cãi với Phật thì đều vào đường tà, chẳng phải đệ tử của ta”. Lại chỉ ghi không Phật dùng làm Phật thật, nên nói không chẳng Phật vậy. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

*“Tánh không tức là Phật,
Chẳng thể được nghĩ lường”.*

Nếu có sinh tâm, sinh tâm là vọng, nên nói chẳng sinh. Phật còn chẳng có huống gì có không sinh, khởi hiểu không sinh trở lại bị sự trói buộc của không sinh, nên nói không chẳng sinh vậy, thì sinh và chẳng sinh tráo trở trái nhau, cũng tráo trở lập thành, chỉ mất lời là có thể cùng hợp đạo, lòng rộng thì có thể cùng lý thông vậy. Nếu mất lời thì dừng, dùng chẳng phải nói, đâu cưỡng đâu mới nói ư? Nếu lòng rộng thì pháp ta diệu khó lường, sao lầm sinh hiểu biết ư? Lại nữa, phàm vào Tông Kính, pháp như thế mất lời. Chẳng phải chỗ trí biết thì ai tin kịp? Như

trong Tán Bát-nhã có kệ tụng nói:

*“Nếu người thấy Bát-nhã,
Luận nghĩa tâm đều tuyệt,
Như lúc mặt nhật hiện,
Sương mai đồng thời mất”.*

Nên Tổ sư nói: “Luận tức chẳng nghĩa, nghĩa tức chẳng luận, nếu muốn luận nghĩa, trọn chẳng phải nghĩa luận, xưa trước ở thời gian Nam Lương, vua Võ đế (Tiêu diễn 502-550) ở điện Trùng vân tại vườn Hoa lâm, nhóm tập bốn bộ chúng, tự giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã. Bấy giờ Phó Đại sĩ cùng dự trong hội. Thái tử sai hỏi: “Đại sĩ sao chẳng luận nghĩa?” Đáp: “Điều Hoàng đế Bồ-tát giảng nói, chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải rộng chẳng phải hẹp, chẳng phải có biên chẳng phải không biên, chánh lý như như, còn gì phải nói”. Lưu Trung Thừa lại hỏi: “Đại sĩ sao chẳng đối đáp qua lại, mọi người mong muốn nghe!” Đáp: “Nhật nguyệt dừng cảnh, bốn mùa hòa thích”. Lại nữa, ở Trung Thiên trúc, có ngoại đạo Mã Minh là người trí tuệ biện tài ở đời, khéo thông ngôn luận, xưng rằng: “Nếu có Tỳ-kheo nào có thể cùng ta luận nghĩa thì có thể đánh kiền chùy. Nếu không khả năng thì chẳng đủ để ông đánh kiền chùy nhận thọ người cúng dường”. Bấy giờ Trưởng lão Hiếp đến nước đó nói: “Chỉ đánh kiền chùy, nếu ông kia đến, tôi sẽ tự đối đáp”, liền đánh kiền chùy, ngoại đạo Mã Minh bèn hỏi: “Cớ sao ngày nay đánh bằng gỗ đây ư?” Đáp: “Có sa-môn Trưởng lão ở phương Bắc đến đánh kiền chùy”. Ngoại đạo Mã Minh hỏi: “Muốn luận nghĩa ư?” Đáp: “Đúng vậy”. Khi ấy, bày xếp luận trường, đại chúng nhóm tập mà đến, Trưởng lão Hiếp nói: “Tôi tuổi đã già suy nên từ xa đến, lại trước ở đây ngồi, lý đáng nêu hỏi trước”. Ngoại đạo Mã Minh nói: “Như thế cũng được, hiện tại ông nói gì tôi sẽ phá cả”. Trưởng lão Hiếp liền nói: “Hiện nay thiên hạ thái bình, Đại vương trường thọ, đất nước giàu vui, không các tai hoạn”. Ngoại đạo Mã Minh im lặng không biết nói gì. Luận pháp không đối đáp tức rơi lạc phía thua, nên cúi chịu làm đệ tử, cạo bỏ râu tóc, được độ làm Sa-di, thọ giới Cụ túc. Lại nữa, có người học cầu xin Hòa thượng Quốc sư Trung lập nghĩa, Hòa thượng bảo: “Lập rồi vậy”. Người học chẳng biết làm sao, bị Hòa thượng quát đuổi ra, bảo: “Chẳng phải cảnh giới của ông”. Nên biết nếu vào Tông Kính, gương Huyền rộng sáng, như đến trong gương, tự thấy mặt tượng, thấy tức liền thấy, lại đợi mở lời ư? Do đó, trong kinh Nguyệt Thượng Nữ nói: “Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại hỏi Nữ rằng: “Chúng sinh giới là có bao nhiêu?” Nữ đó đáp: “Như cảnh giới chư Phật ở quá khứ vị lai và hiện

tại kia”. Xá-lợi-phất nói: “Nếu như vậy, người nói việc gì? Giải thích thế nào?” Nữ đó đáp: “Y theo Tôn giả hỏi, tôi lại nương đáp” Khi ấy, Xá-lợi-phất lại hỏi: Tôi hỏi nghĩa gì? Nữ đó đáp: “Hỏi văn tự vậy”. Xá-lợi-phất nói: “Văn tự ấy diệt không có dấu chân”. Nữ đó đáp: “Tôn giả Xá-lợi-phất! Tướng diệt như thế trong tất cả pháp như có hỏi và như có đáp, cả hai đều diệt, tướng chẳng thể được vậy”. Trong kinh Hoa Thủ nói: “Phật bảo Bạt-đà-bà-la: Lành thay! Lành thay! Như điều ông nói, pháp sở đắc của Như Lai nói đạo tràng là pháp cũng chẳng phải pháp, cũng chẳng phải chẳng phải pháp. Ta ở đây, trí chẳng thể hành, mắt chẳng thể thấy, không có hành xứ, nói tuệ chẳng thông, sáng chẳng thể rõ, hỏi không có đáp, ở trong pháp đây không thọ không thủ, không dơ không sạch. Nếu ta nói là pháp tự sở đắc, nếu dùng hành tướng, hành là pháp thì đều mê muội”. Trong kinh Phật Tạng nói: “Phật bảo: Xá-lợi-phất! Ở trong Thánh pháp tính được tịch diệt đều rơi vào tà kiến, hướng gì là nói năng. Hướng gì nói là pháp không như vậy lấy gì có thể nói? Xá-lợi-phất! Tại sao Phật nói các thứ ngôn ngữ đều gọi là tà? Chẳng thể thông đạt tất cả pháp, đó đều bị ngôn ngữ ngăn che, cho nên Đức Như Lai biết các ngôn ngữ thủy đều là tà, cho đến có chút ít ngôn ngữ, chẳng được thật đó. Xá-lợi-phất! Chư Phật A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề đều không tướng không niệm. Tại sao? Như Lai ở nơi pháp chẳng được thể tánh, cũng chẳng được niệm”. Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: Phật bảo: “Tỳ-xá-khư! Trước phải vì nói sáu pháp Ba-la-mật kia, lần lượt tu rồi sau đó mới vì môn giải thoát không. Nếu vì chúng sinh nói pháp không này, hoặc có người được nghe, hoặc có tư duy, hoặc là năng chứng, là cũng không nên, chỉ có nói năng (ngôn thuyết). Tại sao? Pháp không như vậy, không thể chỉ dùng tâm tưởng mà biết. Nếu pháp không ấy chỉ dùng tâm tưởng có thể chứng biết là tất cả chúng sinh lúc chưa tu đạo cũng nên tức là A-la-hán vậy. Tỳ-xá-khư! Pháp không ấy là cũng chẳng thể nói tướng mạo hình thể, nếu có thể nói thì có tác tướng, nếu có tác tướng là có nguyện cầu, nếu có nguyện cầu thì là ba đời. Tại sao? Tỳ-xá-khư? Trong pháp không tướng, tất cả ba đời không thể được. Tại sao? Vì mọi sự ở quá khứ, vị lai và hiện tại đều tịch diệt vậy, làm sao khởi nguyện? Lại nữa, nên Quán sắc đó làm tướng không tướng. Có sao quán sắc làm tướng không tướng? Phải biết sắc đó sinh diệt luân chuyển niệm niệm chẳng dừng. Tỳ-xá-khư! Sắc tướng như vậy không thể dùng mắt thấy, phải biết đó là cảnh giới của tâm thức chỉ ý mới biết, cho nên không thể dùng mắt thấy được. Tỳ-xá-khư! tất cả chúng sinh có tâm ý, không thể nói năng, chỉ trí Phật biết. Tuy có thể nghĩ biết mà

chẳng thể thấy, niệm niệm chẳng trú giống như huyền hóa. Làm sao có thể thủ mà được thấy ư? Như vậy, Tỳ-xá-khư! Không thể dùng tâm thức chúng sinh kia mà thủ lấy tâm. Chân tướng đã chẳng thể thủ lấy, làm sao có thể nói. Tại sao? Vì sự yêu ghét trái với bình đẳng. Tỳ-xá-khư! Nếu muốn diệt trừ tướng yêu ghét là phải chuyên cần tinh tấn quán tất cả pháp thấy đều không tịch, không có chấp thủ đấm trước”.

Hỏi: Nếu không đường học ngày nay, làm sao chóng đoạn môn phương tiện?

Đáp: Với hàng căn cơ trung hạ, chẳng không đường học, dạy răn của trẻ nhỏ đâu đoạn thời nay. Nên trong kinh Lăng-già nói: “Tông thông là Bồ-tát, thuyết thông là trẻ nhỏ”. Môn tự quán sâu có lợi ích, nếu một hướng trái với chính mình, theo văn chấp học mà biện luận thì đối với người gỗ mà đợi nói mong thạch nữ sinh con, không trải qua trần sa trọn không được lý, giả sử đó học ngoài được thành, đều chẳng phải chân thật. Như nói: Vẽ nguyệt chẳng phải nguyệt thật, họa rồng mất rồng gốc, như nay nếu cần chân thành, chỉ năng quán ý tịnh bên trong thì tự nhiên lặng lẽ hiện, giống như đến nơi gương sáng, tự thấy hình đó. Nếu dùng thấy nghe vọng cầu như mò trăng đáy nước, đâu có lúc được. Do đó, trong Chân Giác Ca nói: “Sạch năm mắt được năm sức, chỉ chứng mới biết khó nghĩ lường, trong gương xem hình thấy chẳng khó, trong nước mò trăng tranh nắm được”. Hòa thượng Bàn Sơn nói: “Một đường hướng lên ngàn Thánh chẳng truyền, người học nhọc hình như khỉ mò trăng”. Cư sĩ Bàn Uẩn có kệ tụng nói: “Hành học chẳng thật đạo, khổ nhọc thân và thân, ngàn đời tìm trăng nước, trọn phí uổng công phu”.

Hỏi: Thế nào tức phải?

Đáp: Phải là đầu thứ hai, quấy là tay thứ ba, tuyệt đường tâm trí, tình hạn lượng tiêu. Do đó, trong kinh Văn-thù Bát-nhã nói: “Chẳng thể hiểu tức là Bát-nhã, Bát-nhã chẳng phải có thể hiểu, chẳng phải chẳng thể hiểu”. Trong Triệu Luận nói: “Huyền đạo ở nơi tuyệt vức, nên chẳng được để được đó. Diệu trí tại ngoài vật, nên chẳng biết để biết đó. Đại tượng ẩn nơi không hình, nên chẳng thấy để thấy đó. Đại Âm nép nơi hiếm tiếng, nên chẳng nghe để nghe đó, chỉ lúc tin vào tự nhiên soi suốt. Như suốt cùng tròn sáng thấu đạt tận ngần mé còn chẳng nhân nơi tâm niệm, hướng gì y cứ người khác mà cầu tự pháp, chấp lấy mắt kia mà làm viên thông, đếm vật báu trọn chẳng giúp nghèo, nói ăn sao có thể no được, chỉ tự thân gần đến, chóng vào môn tuyệt học, chỉ tại nơi phát minh mới đạt yếu chỉ vô vi. Nếu năng như vậy, vào lý tư

duy như vậy thì năng như vậy, rõ ràng hiển hiện như vậy, tự nhiên hai khoảng ngấm hợp, vật ngã không sai, khế muôn cảnh để hư huyền đồng đạ bạc của nhất tâm, đều nương tựa không mà lập, ôm một mà sống. Vì vậy mây dung kéo mà thông thả trời trong, núi sâu ẩn mà nhàn đồng biếc, từng cao tựa sườn núi mà tự dài, rễ tre phải đường tắc mà luôn mới, bên trong thì ôm ấp an nhiên, bên ngoài thì đạo tánh thường vậy. Nên trong Tâm Yếu Tiên nói: “Nếu một niệm chẳng sinh thì khoảng trước sau đoạn, chiếu thể riêng lập, vật ngã đều như. Thẳng đến nguồn tâm, không biết không được, chẳng lấy chẳng bỏ không tu, nhưng mê ngộ lại nương tựa, chân vọng cùng đối đãi. Nếu cầu chân bỏ vọng tự như bỏ ảnh nhọc hình. Nếu rõ vọng tức chân, phân râm diệt ảnh. Nên không tâm ở nơi quên chiếu thì muôn lụy đều trừ, nếu mặc tình để lặng biết thì các hành thông thả khởi, phóng khoáng mặc tình đi ở đó, lắng soi biết nguồn dòng đó, nói nín chẳng mất huyền vi động tĩnh chưa lìa pháp giới. Trong Linh Tẩu Ngâm nói: “Ta muốn học Bồ-đề, thua Thích-ca khác trước, ta muốn học xiển-đề, đi sau Điều-đạt khác sau, không vào hai gia phong, chưa khỏi chạy giữa đường, giả sử đều chẳng phải, nhờ đâu mà mở miệng, mở miệng chẳng mở miệng, rất kỵ Phạm Linh Tẩu. Nếu hiểu ý trong đó, trông Nam nhìn Bắc đầu”. Phó Đại sĩ có kệ tụng nói:

*“Người nói đi đường khó,
Ta nói đi đường dễ,
Vào núi hơn vài năm,
Duỗi dài hai chân ngủ.
Đi đường dễ, đường dễ chớ nghĩ lường,
Sát-na tâm chẳng khác,
Xứ nào chẳng thiên đường”.*

Như trên, dẫn nêu rộng ngôn từ của các bậc thành đạt trước, mới vào trong Tông Kính, pháp như thế tuyệt lối ngôn từ, sạch hết thức trí, hơn thua đều mất, bốn hiện chẳng cùng, các hiện không lường. Nên trong Tịnh Danh Tư Ký nói: “Tịnh Danh im lặng từ trước đến nay, đến nay rốt ráo đầy đủ thật trí. Cũng như Đồng tử Thiện Tài gặp Bồ-tát Di-lặc vào lầu quán mới được rốt ráo. Nay im lặng không nói tức là thể lầu quán”. Trong kinh Đại Tập nói: “Quang minh tịch tĩnh vô tránh, ba câu pháp hết. Đức Thích-ca im lặng mà đứng, cùng nay không khác”. Lại trong núi Vân Đà ở Tây Thiên có vị A-la-hán tên Phú-lâu-na, Mã Minh đến thấy ngồi dưới rừng, hơi thở tinh vi như chẳng thể lường, thần sắc khiêm nhường tự chẳng thể khuất, bèn cùng nói rằng: “Sa-môn hãy nói,

dám có điều rõ, nhất định bẻ gãy người, nếu ta chẳng thắng thì tự cắt cổ bái tạ”. Sa-môn im lặng, không lộ vẻ thua, chẳng bày dáng thắng, kích động vài ba phen mà chẳng ứng tình, Mã Minh thối lùi tự tư duy rằng: “Ta đã thua, kia đã thắng vậy, kia an định không nói gì, nên không thể khuất. Ta vì nói năng, tuy biết nói năng là có thể khuất. Tự ta chưa khỏi ở nói năng, thật đáng thẹn vậy”. Bèn nương theo cầu xin xuất gia.

Hỏi: Nếu nói đạo thể tự nhiên như trên, thì Phật tổ sao phiền xuất hiện nơi đời?

Đáp: Cổ giáo nói: “Chẳng được một pháp chóng thọ ký cho”. Tổ sư nói: “Chẳng được một pháp gọi là truyền tâm “. Rõ phiền nào tánh không tức là Phật ra đời. Nên trong kinh nói: “Tham sân si ra tức là Phật ra, chỉ khiến chúng sinh tuyệt tình của phàm, không tướng ra vào, nhân lắng an trú, không chút thi vi, đạt pháp môn đó, tức Phật ra đời, nói việc như vậy là tâm chân thật.

Hỏi: Đã không tâm niệm, gỗ đá nào khác, lại tuyệt thầy nghe làm sao giác ngộ?

Đáp: Chỉ nghĩa là cưỡng hiểu vọng biết mà năng chướng đạo. Chỉ nên thoát dính. Bên trong nếp phát tự linh tri, căn trần đã tiêu, quang minh chóng phát. Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: “Vì tất cả pháp xưa nay duy tâm, thật không ở niệm, tức là chánh lý tự tông. Điều gọi là pháp tánh xưa nay chỉ là nhất tâm, không một pháp nào mà chẳng phải tâm vậy, mà có vọng tâm, bất giác khởi niệm, thấy các cảnh giới nên gọi là vô minh. Nếu tánh của nhất tâm vắng lặng không khởi tức là tuệ bản giác sáng. Như trong luận nói: “Tâm tánh chẳng khởi tức là nghĩa đại trí tuệ quang minh”. Lại nữa, vọng tâm khởi thấy một hướng chỉ chuyển trong cảnh vọng, chẳng thể thông đạt cảnh giới chân thật. Tại sao? Chân ngụy trái nhau chẳng khế hợp chính đáng. Như trong luận nói: “Nếu tâm khởi thấy thì có tướng chẳng thấy”. Chân thật thấy biết là lìa biên kiến của năng sở, như trong luận nói: “Tâm thể nếu lìa thấy, tức là nghĩa chiếu khắp pháp giới”. Lại, nếu tâm có tướng động chuyển tức là vô minh huân tập khí. Tâm tánh vắng lặng không có nao động, ngay thẳng không có hiểu của điên đảo tức là chiếu của thật trí. Như trong luận nói: “Nếu tâm có động, chẳng phải chân thức biết. Nếu nhất tâm có tướng chuyển động, lại có tiền cảnh có thể duyên là tâm năng kiến và cảnh sở kiến cả hai đều sai biệt, công đức của bản giác chẳng được viên mãn, mà đức bản tánh tuy nhiều hơn số cát sông Hằng, chỉ một tâm lượng trọn không hai thể. Tại sao? Các Đức như vậy mỗi mỗi thấy đều chẳng phân thể nó. Với một pháp giới lượng nó đồng vậy”.

Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo: A-nan! Sáu căn như vậy do Giác minh kia có minh minh giác, mắt tinh kia rồi dính vọng phát sáng. Do đó, nay ông là tối là sáng không có thể thấy, là động là tĩnh, vốn không chất nghe, không thông không bít, tánh ngữ chẳng sinh, chẳng phải biến chẳng phải yên, thường không chỗ ra, chẳng là chẳng hợp, biết xúc vốn không, không diệt không sinh, rõ biết an cậy. Ông chỉ chẳng theo động tĩnh hợp là dính biến thông bít sinh diệt tối sáng, mười hai thứ tướng hữu vi như vậy, tuy nhỏ một căn thoát dính bên trong nếp, nếp về nguyên chân phát sáng vốn sáng, tánh sáng phát sáng, năm thứ dính khác nên nhỏ thoát cả, chẳng do tiền trần khởi nên thấy biết, sáng chẳng theo căn, cậy căn sáng phát. Do đó, sáu căn hỗ tương làm dụng. A-nan! Há ông chẳng biết trong chúng hội đây, A-na-luật là người không mắt mà thấy, rồng Bạt-nan-đà không tai mà nghe, thần nữ Khắc-già không mũi mà ngửi, Kiều-phạm-bát-đề, khác lưỡi mà biết vị, thần Thuấn-nhã-đa không thân mà có xúc, trong ánh sáng của Như Lai ánh ngời tạm hiện. Đã là phong chất, thể đó vốn không, các Thanh văn diệt tận định được diệt, như trong hội đây, Ma-ha-Ca-diếp từ lâu đã diệt ý căn, tròn sáng rõ biết chẳng nhân tâm niệm. A-nan! Nay ông các căn nếu nhỏ hết rồi, bên trong ánh ngời phát sáng, phù trần và khí thế gian như vậy. Các tướng biến hóa như nước nóng tan băng, ứng niệm hóa thành hiểu biết Vô thượng. A-nan! Như người đời nhóm tụ thấy ở mắt, nếu khiến gấp nhắm thì tướng tối hiện ngay. Sáu căn an nhiên đầu chân cùng loại, người ấy dùng tay sờ quanh ngoài thân thể, tuy không thấy đầu chân rành rẽ mà hiểu biết thì đồng. Duyên thấy nhân sáng, tối thành không thấy, chẳng sáng tự phát thì các tướng tối trọn chẳng thể tối, căn trần đã tiêu, làm sao rõ sáng, chẳng thành viên diệu.”

Hỏi: Nói như trên đều nói về đại căn, như mặt nhật vừa ló dạng chiếu trên núi cao, Ngựa giỏi thấy bóng roi. Nếu hàng trung cơ Hạ phẩm chẳng thể riêng lẽ, người chưa vào thì có phương tiện gì?

Đáp: Cũng phải tự xét mở phát tâm tin, nếu lúc chưa phát ngay phải tĩnh lắng dùng thời gian nghiên cứu, trọn dứt phan duyên. Thân tâm nhất như lấy sự tỏ ngộ làm kỳ hạn. Hoặc nhân nghe mà vào, hoặc theo cảnh tỏ sáng, chợt vậy ý tiêu, chân tâm tự hiện.

Hỏi: Cảnh thức đều không tự thể, là cảnh từ thức sinh vậy thức từ đâu khởi?

Đáp: Thức từ chân tánh khởi.

Hỏi: Chân tánh từ đâu khởi?

Đáp: Chân tánh thì không nơi khởi.

Hỏi: Nếu không nơi khởi vậy sao hiển hiện?

Đáp: Không khởi tức khởi, khởi tức không khởi, chẳng phải khởi chẳng khởi, là khởi chẳng thể nghĩ bàn.

Hỏi: Thế nào là khởi chẳng thể nghĩ bàn?

Đáp: Bụi hồng bay biển biếc, sóng bạc vọt núi xanh.

Hỏi: Người tu tập tông này nghe hiểu tin, được pháp lợi gì? Và được quả báo thù thắng thế nào?

Đáp: Đây là thuyết của Đệ nhất, thuyên của không gì bằng, học mà chẳng được, phước còn hơn cả trời người, nghe mà chẳng tin, còn kết hạt giống Bồ-đề, mười phương chư Phật đồng cùng ca ngợi, các kinh Đại thừa ghi chép đầy đủ. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Một niệm tùy hỷ đều ghi Vô thượng Bồ-đề, một câu thọ trì, đều đồng Như Lai cúng dường”. Xưa trước giải thích phẩm xuất hiện trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Văn từ phẩm này yếu chỉ rộng sâu, năng đốn năng viên tận cùng cội nguồn của chúng sinh, hết sạch biển thăm của chư Phật, gốc rễ bên trong của pháp luân, lại khiến tâm đó sinh ở trong giống kim luân, lại làm con cả, diệu của trong diệu, huyền của trong huyền, đều ở tâm phàm loại, công ít mà hay chóng chứng, sao được tự khinh mình mà chẳng nhận thọ? Nay nghe hiểu hay vui mừng, rất phải tự vui mừng. Nên biết kinh mộ pháp đó, là khởi tâm tin vui, lúc mới dấy niệm đã làm con thật của Đức Như Lai, mới đầu khoảng Hồi hướng, bèn thành Bồ-đề Vô thượng. Dấy ít học mà bằng bậc Thượng hiền, bày công nhỏ mà được quả lớn, thúc ba A-tăng-kỳ kiếp vào một niệm, tròn đầy muôn đức nơi thành nhỏ. Như Trưởng giả được châu ma-ni, suốt tận tương lai bố thí mà chẳng hết, tợ nước nhỏ được báu luân vương, khắp pháp giới dùng mà chẳng cùng, Diệu Đức Dực Vương, dâng hương hoa mà đứng hầu, Thích-ca Đa Bảo đồng vui vẻ mà chứng minh, tùy phương đến tiếp chân mà như gặp Thiện Thệ, nói một bài kệ nói dựng tháp mà kham làm phước báu, pháp lợi nào cùng, công đức chẳng tận. Trong luận Hoa Nghiêm nói: “Sức tu tin hiểu là thường tin tự tha phàm thánh đồng một thể như, không nơi nương trú, không ta không của ta, tâm cảnh không hai tướng, tất cả phàm thánh vốn chỉ pháp giới, không tánh tạo tác, nương tựa chân mà trú, trú không nơi trú, cùng đồng chư Phật và tất cả chúng sinh. Trí nhất tâm trú tánh chân pháp giới, như có phân biệt là tất cả chư Phật trí vốn chẳng động, phàm thánh một chân cùng đồng trí này. Toàn tin tự tâm là chủng trí và Nhất thiết trí của Phật, chẳng ở ngoài tâm riêng có tâm tin Phật, cũng chẳng ở trong tự tâm thấy tự tâm có tướng Phật. Nên tin như pháp tự lực đây chưa đầy đủ, vì đây là người được tất cả quả báo

thù thắng ở trong loài người, các thứ y phục ẩm thực tùy theo ý niệm mà đến. Lại chẳng chỉ chánh báo y báo đầy đủ, cho đến các loại hữu tình vô tình thấy đều quy thuận, vì được pháp giới căn bản, lại có sự gì mà chẳng theo ư? Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Bấy giờ vua Đại Quang nói rằng: Này thiện nam! Ta thanh tịnh tu hành hạnh đại từ tràng của Bồ-tát. Ta đầy đủ hạnh đại từ tràng của Bồ-tát. Cho đến, này thiện nam! Chúng sinh ở nơi thành diệu quang đây là Bồ-tát phát ý Đại thừa, tùy tâm trông thấy chẳng đồng, hoặc thấy thành đây lượng nó hẹp nhỏ, hoặc thấy thành đây lượng nó rộng lớn, hoặc thấy đất cát dùng làm đất, hoặc thấy các báu dùng để trang nghiêm hoặc thấy nhóm đất dùng làm bờ tường, hoặc thấy tường báu bao bọc chung quanh, hoặc thấy đất đây có nhiều ngói sỏi cao thấp chẳng bằng, hoặc thấy vô lượng Đại ma-ni bảo bày biện trang nghiêm bằng phẳng như bàn tay, hoặc thấy phòng thất nhà cửa cây đất làm thành, hoặc thấy điện đường và các lầu các thêm cấp cửa sổ hành lang cửa lớn, tất cả nghiên cứu đều là diệu bảo. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh tâm họ thanh tịnh từng gieo căn lành cúng dường chư Phật phát tâm hướng đến đạo Nhất thiết trí, dùng Nhất thiết trí làm nơi cứu cánh và ngày xưa ta tu hạnh Bồ-tát, nơi từng nhiếp thọ thì thấy thành đây, các báu nghiêm tịnh, ngoài ra đều là thấy dơ. Này thiện nam! Trong cõi nước đây tất cả chúng sinh ở thời ngũ trước, vui thích làm các điều ác, tâm ta buồn thương mà muốn cứu hộ, vào nơi đại từ của Bồ-tát làm đầu, tùy thuận môn Tam thế Tam-muội. Lúc vào Tam-muội này, các chúng sinh kia như có tâm khiếp sợ, tâm nào hại, tâm oán địch, tâm tranh luận, các tâm như vậy đều tự tiêu diệt. Tại sao? Vào Tam-muội đại từ làm đầu thuận thế của Bồ-tát, pháp đó như vậy. Này thiện nam! Tạm đợi trong khoảnh khắc tự sẽ hiện thấy”. Khi ấy vua Đại Quang liền vào định đó, trong ngoài thành đó phát ra sáu thứ chấn động, các thứ đất báu tường báu nhà báu, điện báu, lầu quán thêm cấp cửa ngõ tất cả các thứ đều phát ra âm thanh vi diệu, đều hướng về vua cúi mình kính lễ, mọi người ở trong thành Diệu quang đều đồng thời vui mừng nhảy nhót, đều hướng về vua, gieo mình sát đất, tất cả dân chúng trong thôn trại thành ấp đều lại trông thấy vua, vui mừng kính lễ, các loài cầm thú sống gần nơi vua, chen nhau trông nhìn, khởi tâm đại bi, đều hướng về trước vua cung kính lễ bái, tất cả núi đồi và các cây cỏ thủy đều xoay chuyển hướng về vua kính lễ. Bờ ao suối giếng và cả sông biển thủy đều tràn đầy đổ chảy về trước vua”. Trong Luận Thích Ma-ha-diễn nói: “Công đức tự tạo tác hồi hướng về ba nơi: Một là, chân như, hai là, pháp nhất tâm, ba là, Phật tánh bản giác. Đó gọi

là ba. Bởi ý nghĩa gì mà hồi hướng về ba nơi? Vì muốn công đức tự tạo tác khiến đều bình đẳng nên hồi hướng chân như. Hoặc vì muốn tự tạo tác công đức khiến rộng lớn nên hồi hướng nhất tâm. Hoặc vì muốn tự tạo tác công đức khiến rõ sáng nên hồi hướng bản giác, nên biết như vậy nên quán như vậy. Hồi hướng như vậy có ích lợi gì? Nghĩa là lắm nhiều vậy. Nghĩa đó thế nào? Thí như đem một mảy trần đặt để trong đại địa. Mảy trần đặt để kia và đại địa đồng nhau không sai khác, pháp môn hồi hướng cũng lại như vậy. Lại thí như đem một giọt nước rót vào trong biển cả, giọt nước rót vào và biển cả đó đồng nhau không sai biệt, pháp môn hồi hướng cũng lại như vậy. Lại thí như phá có một ít tức bèn đồng với hư không lớn đồng nhau không sai biệt, pháp môn hồi hướng cũng lại như vậy. Đã nói về môn triển bày công đức khiến rộng lớn, tiếp nói về môn thí cho chúng sinh lợi ích khắp cùng. Nói lợi ích khắp cùng chúng sinh giới là tức là môn bố thí cho chúng sinh lợi ích khắp cùng, nghĩa là nêu công đức rộng lớn viên mãn khắp cùng lợi ích chúng sinh giới vậy. Có kệ tụng nói:

*“Hoan hỷ Đại sĩ chí tâm khuyên
 Vô lượng chúng Phật tử trong biển
 Ta đã vượt đầu lông ba góc
 Quá nơi bốn căn sinh nở hoa
 Thứ nhất vô số thô đầy xong
 Thứ hai Tăng-kỳ mới vào không
 Như đáng Phật tử cùng các ông
 Dùng ở hai tay trái cùng phải
 Bưng nâng gương sáng nói bản thức
 Đến mặt bảy thức tiêu tan nghĩ
 Thấy dơ của cảnh giới sáu trần
 Tẩy lỗi lầm pháp chấp nhân ngã
 Phật tử các ông nếu như vậy
 Pháp thân ứng hóa cả ba thân
 Như bông chữ ấy tròn hiện trước
 Thường lạc ngã tịnh đủ bốn đức
 Như vào ao sen đủ sinh ra
 Ta từ bốn vua nơi tỵ tại
 Xuống vào biển lớn điện cung rồng
 Tùy phần đọc các biển Kế kinh
 Gồm có một trăm số lạc-xoa
 Các kinh như vậy pháp chân thật*

Vô lượng vô biên nghĩa sai biệt
 Lập nghĩa trong luận Ma-ha-diễn
 Gồm nhiếp an lập đầy đủ nơi
 Có thiện nam tử thiện nữ nhân
 Nếu tự tay bưng quyển kinh đó
 Gọi là bưng kinh trăm lạc-xoa
 Nếu miệng tự đọc bản phận kinh
 Gọi là tụng kinh trăm lạc-xoa
 Người ấy có được các công đức
 Mười phương thế giới số bụi trần
 Chư Phật và chúng Đại Bồ-tát
 Phóng ra tướng lưới như bụi trần
 Trong số kiếp bụi trần như vậy
 Chẳng ngưng xưng nói chẳng cùng tận
 Huống gì quán sát nghĩa lý đó
 Tư duy giải nghĩa trong văn từ.”

Vì vậy, nếu người ở trong Tông Kính đây, hoặc ngay đó khởi tâm, hoặc tự nhiên dấy ý, hoặc chợt đưa tay chạm, hoặc tạm dùng mắt nhìn, đều thành duyên vào đạo, đều kết giống Nhất thừa. Vì vậy Phật tổ chánh quyết bản tông kinh luận, cao vời trời Niết-bàn, sâu cùng biển Bát-nhã. Lại nữa trong đây, văn nghĩa bao gồm phong phú, tông lý tròn đầy, sưu tìm đó mà câu câu suốt tận cội nguồn, biên gom đó mà mỗi mỗi khắp đây chỉ thú, huống gì tin hiểu ngộ vào, chánh niệm tu hành, biên chép thọ trì, mở bày truyền rộng, so lượng công quả chỉ Phật mới biết, chẳng phải toán số có thể lường, há tán dương kịp được?

Hỏi: Thể của Duy tâm trước đã lược nói rõ, tướng của Duy thức, chỉ bày thế nào? Tánh tướng rõ cả hai mới hiển bày chánh tông, lý sự đều thông mới trừ tà chấp.

Đáp: Muốn hiển bày chánh tông, trước phải trừ tà chấp, nên phải nhân sự rõ lý, nhóm vọng về chân, chân là chân của nương tựa vọng, nhân tình nói hội (nhóm), sự là sự của theo lý, phá chấp nói sáng, không chấp mà lý sự đều hư, lìa tình mà chân vọng đều tuyệt, mất bệnh tiêu ma hoa đốm hư không tự hết, niệm dứt mà cảnh huyễn chợt tan, nay nương theo các Thánh, ở trong chúng sinh giới ôm giáo mê tông, bởi chẳng phải một hai, gần then chốt đó không hai không trước, vì người ngu mê nhân không nên khởi ngã kiến, nhận chịu vọng sinh tử, vì cảnh mê pháp không nên trái với hiện lượng, chướng tịnh Bồ-đề. Do đó, ngã pháp đều không, chỉ theo thức biến. Nay lập thứ nhất tâm pháp,

thức năng biến có ba: Một là thức thứ sáu dị thực thức biến, hai là thức thứ bảy tư lương thức biến, ba là thức thứ sáu liễu biệt cảnh thức biến. Đã chỉ thức biến, ngã pháp đều hư. Nhân hai không đây nên kế hợp huyền chỉ, vì ngã không nên phiên chương đoạn, vì pháp không nên sở tri chương tiêu. Phiên nào chương đoạn nên chứng chân giải thoát, sở tri chương đoạn nên đắc Đại Bồ-đề. Sau đó, hạnh đủ môn nhân tâmngâm biến quả, thì cảnh thức đều lắng, chỉ một chân không.

Hỏi: Từ trước tông thừa chỉ khiến tuyệt học đơn đao vào thẳng, truyền riêng ngoài giáo, sao mượn trí tuệ nghe nhiều luận rộng tánh tướng, lăm lời lý ẩn, nước động châu mờ?

Đáp: Hiển bày tông phá chấp, quyền thấy đường học thảo luận đạt yếu chỉ, dung thông chẳng phải lìa văn tự giải thoát. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Nếu có người căn tánh lanh lợi trí tuệ rõ biết, nghe nhiều nhớ kỹ, mới vì họ nói”. Phàm là kẻ sĩ tham huyền, phải đủ hai mắt: Một là, mắt mình rõ tông, hai là, mắt trí rành hoặc. Do đó, theo Thiền tông nói: “Riêng rõ chính mình chẳng rành trước mắt, người như vậy chỉ đủ một mắt, lý đơn sự lẻ trọn chẳng viên thông, cánh chiếc xe rời đầu thể bay chớ. Nếu chấp chỉ cần đơn đao vào thẳng, chẳng dùng tham rộng thì Đồng tử Thiện Tài mới đầu thấy gặp Diệu Đức, sau khi phát minh, chẳng bằng phải tham khắp pháp giới. Nên biết tâm đầu và sau như nhau, lý và hạnh đồng thời. Do đó Đồng tử Thiện Tài đến nơi Di-lặc sau khi tròn đầy quả Phật liền chỉ trở lại gặp Bồ-tát Văn Thù người bạn mới đầu, như các bậc Tiên đức nói: “Diệu trí của Văn Thù rõ ràng là tâm mới đầu, Huyền môn của Phổ Hiền, từng không thể riêng biệt”. Vậy thì, lý sự ngâm đều nơi một yếu chỉ, gốc ngọn chẳng vượt khỏi sát-na. Sao là giữ một nghi ngờ các đốn mê mờ pháp giới, bỏ đây lấy kia cất hại hư không. Lại như lấy trí tuệ làm quấy thì Đại trí Văn-thù không nên xưng là con của Pháp vương. Nếu dùng đa văn là lỗi thì Tỳ-kheo Vô Văn không nên làm người địa ngục. Nên phải dùng trí tuệ hợp đa văn đó, trọn chẳng chấp thuyên mà nhận chỉ, do đa văn mà rộng trí tuệ đó, khỏi thành đơn hẹp mà xoay mặt vách tường. Do đó nói: “Có trí không hạnh là thầy của đất nước, có hạnh không trí là dụng của đất nước, có trí có hạnh là báu của đất nước, không trí không hạnh là giặc của đất nước. Vì vậy, trí tuệ phải học, hạnh nên phải tu, khuyết trí là kẻ thù của đạo, không hạnh là giặc của nước nhà, phải biết danh tướng là khóa cửa, chẳng phải chìa trí mà khó mở, câu tình tướng buộc, chẳng phải dao tuệ mà chớ đoạn, nên phải trách thân xét mình khuyên phát tinh tấn. Vì vậy trở lại người của viên thông, đầu... thấy của tuyệt lời.

Người phát tâm Bồ-đề, tâm chẳng sinh đoạn diệt. Nếu năng rõ ngay tự tâm, tức là đơn đao vào thẳng, rất là tỉnh yếu, vì một hiểu ngàn theo, gồm pháp không dư vậy, cũng là truyền riêng ngoài giáo, lia riêng đây không kỳ đặc. Lại nữa, đại ý Tông Kính này, lấy diệu ngộ thấy để làm kỳ hạn, chẳng thủ nương tựa thông bằng văn làm hiểu. Pháp đã chân thật, hạnh phải khế đồng, chỉ tại tâm biết chẳng đợi nói năng, vì là chưa rõ cũng chẳng dứt lời, rốt ráo tương ứng trọn phải thân gần. Đây là mười phương chư Phật đồng chứng đồng nói, xưa nay chẳng đổi khác, pháp môn nhất tế (một khoảng). Như trong kinh nói: “Ta chẳng thấy có một cõi nước Phật, trong đó Như Lai chẳng nói pháp này”. Vì vậy, Phật Phật đạo đồng tâm tâm lý hợp, nên biết lia Tông Kính ra, không pháp có thể nói, vì phạm có ngôn giáo đều chẳng vượt ngoài tánh bình đẳng, trọn không có hai. Do đó, trong kinh nói: “Như lúc sư tử lớn giết hương tượng đều dốc hết sức lực, lúc giết hổ cũng vậy, chẳng sinh ý tưởng khinh thường, chư Phật Như Lai cũng lại như vậy, lúc vì các Bồ-tát và tất cả xiển-đề giảng nói pháp, công dụng không hai, ngưỡng mong Thánh chỉ xét thật chiếu soi, đâu thể ở trong chí giáo bình đẳng mà khởi hiểu biết sai biệt ư? Ở trong nhất chân chúng sinh giới mà sinh thấy chấp hơn kém ư? Nếu vào trong Tông kính, tự khởi lỗi lầm đó. Nay những điều ghi chép, mỗi mỗi đều là Thánh giáo của Phật xưa, ở trong vô lượng ức kiếp xả bỏ vô lượng thân mạng, khắp vì tất cả chúng sinh, cầu pháp An-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề khó được này, giao phó cho các Đại Bồ-tát vì người ở trong thời mạt pháp mà cầu Bồ-đề Vô thượng, ngàn lối nói khác cùng hiển bày nhất tâm, cơ sao phụ ân chẳng sinh tin nhận? Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Các kinh Đại Thừa, đều gọi là pháp, cầu pháp trong đây là ghi chép đọc tụng nghĩ nhớ chân chánh, chữa trị tâm bệnh chúng sinh như vậy v.v... nên gom nhắc các pháp được, không tiếc thân mạng, như Phật Thích-ca Văn lúc làm Bồ-tát tên là Nhạo Pháp, thời đó không có Phật, chẳng nghe lời lành, nên dạo khắp bốn phương cầu pháp, tinh cần chẳng biếng lười, trọn chẳng thể được. Bấy giờ, ma biến làm vị Bà-la-môn mà bảo rằng: “Ta có một bài kệ tụng do Phật nói, nếu ông có thể lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, dùng máu làm mực, biên chép bài kệ này thì ta sẽ nói lại cho ông”. Nhạo Pháp liền tự suy nghĩ rằng: “Ta trải qua nhiều đời bỏ mất vô số thân mạng chẳng được lợi ích gì.” Bèn liền tự bóc da phơi khô, muốn viết bài kệ đó. Ma liền ẩn mất thân hình, chư Phật rõ biết chí tâm đó liền từ phương dưới hiện lên giảng nói pháp sâu mầu, Nhạo Pháp liền đắc vô sinh pháp nhãn. Lại như Tát-đà-bà-luân khổ hạnh cầu pháp, như Bồ-tát Thích-ca

Vấn dùng năm trăm đĩnh đóng vào thân vì cầu pháp vậy. Lại như vua Kim Cang cắt thân năm trăm nơi làm đèn đốt sáng, nhảy vào hầm lửa, các thứ hạnh khổ khó làm như vậy v.v... chỉ vì chúng sinh mà cầu pháp. Nên biết thiện tri thức là khó được gặp gỡ, thí như Phạm thiên ném một hạt cải xuống phương dưới dỉnh trên đầu mũi kim nhọn còn dễ, gặp được bạn Đạo minh sư được nghe chánh pháp là rất khó. Như chín mươi sáu thứ ngoại đạo ở Tây thiên đều cầu xuất ly nhân gặp thầy tà nên trở lại trầm luân trong sinh tử. Vì vậy, trong kinh Niết-bàn nói: “Đủ bốn nhân duyên, có thể chứng đạo Niết-bàn: Một là, thân gần bạn lành, hai là, lắng nghe chánh pháp, ba là, như lý mà tư duy, bốn là, như thuyết mà tu hành. Nếu chẳng gặp bạn lành thì chẳng được nghe chánh pháp. Tại sao? Nhân nghe chánh pháp thì có thể tư duy tin vào chánh niệm tu hành. Có pháp lợi như vậy, nên phải ân trọng sinh ý tưởng khó gặp, bề tâm ngã mạn. Cho đến gặp quyển kinh được nghe hoặc nhân người học chỉ bày, như có nơi ngộ vào đều là bậc thầy của ta. Huống gì Tông Kín đây chỉ ghi chép văn từ cốt yếu, có thể gọi là khoanh tay ngồi tham cứu, chẳng ra khỏi cửa mà biết thiên hạ, dễ biện thành hiện, chẳng động bước chân mà đến cung rồng. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Này thiện nam! Thiện tri thức là như mẹ hiền sinh ra giống Phật vậy. Như cha lành, lợi ích lớn lao vậy, như vú nuôi, gìn giữ chẳng khiến tạo ác vậy. Như thầy dạy chỉ bày điều học của Bồ-tát vậy. Như người khéo dẫn đường năng bày đạo Ba-la-mật vậy. Như lương y năng trị các bệnh phiền não vậy, như núi Tuyết tăng trưởng thuốc Nhất thiết trí vậy. Như đồng tướng diệt trừ tất cả khiếp sợ vậy, như tiếp khách khiến ra khỏi dòng thác sinh tử vậy, như thuyền sư khiến đến đảo trí tuệ báu vậy. Này thiện nam! Thường phải chánh niệm tư duy các thiện tri thức như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ông phụng thờ tất cả thiện tri thức nên phát tâm địa lớn vậy, mang vác gánh nặng không nhọc mệt vậy. Nên phát tâm như núi Thiết-vi, tất cả các khổ không thể động vậy. Nên phát tâm như Kim Cang, chí nguyện bền chắc không thể hoại vậy, nên phát tâm như kẻ hầu cấp phàm có bảo gì đều tùy thuận vậy. Nên phát tâm như đệ tử, phàm có dạy răn không trái nghịch vậy. Nên phát tâm như kẻ tớ nhỏ, không chán mệt tất cả việc làm vậy, nên phát tâm như mẹ nuôi, chịu mọi cần khổ mà chẳng nói lao nhọc, nên phát tâm như người làm mướn tùy việc nhận bảo mà không trái nghịch, nên phát tâm như người dọn phân dơ, vì lia kiêu mạn vậy như lúa đã chín vì hay cúi thấp xuống vậy, nên phát tâm như ngựa thuần vì lia tánh ác vậy. Nên phát tâm như xe lớn vì hay chở nặng vậy, nên phát tâm như ngựa điều thuận vì luôn phục

tùng vậy, nên phát tâm như núi Tu-di vì chẳng lay động vậy, nên phát tâm như chó lành vì chẳng hại chủ vậy, nên phát tâm như Chiên-đà-la vì lia kiêu mạn vậy, nên phát tâm như trâu cái vì không oai nộ vậy, nên phát tâm như thuyền bè vì qua lại chẳng mệt vậy, nên phát tâm như cầu đường vì đưa giúp qua không nhọc vậy, nên phát tâm như con hiếu vì thừa thuận nhan sắc vậy, nên phát tâm như Vương tử, vì tuân hành dạy bảo vậy. Cho nên nhân người nghe pháp, nhân pháp ngộ đạo, nhân đạo tu hành, nhân hành thành Phật, đâu có thể kiêu mạn mà chẳng thuận yếu chỉ ư? Nên Đức Thế Tôn dạy: “Nay ta được thành Phật, mới đầu đều nhân gặp nhân duyên bạn lành”. Và lại, như ngoại đạo Tu-bạt-đà sau cùng nếu chẳng gặp Phật Thích-ca thì do đâu mà bỏ tà về chánh. Nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật dạy: Tu-bạt-đà-la! Nhân giả nếu chịu khổ hạnh mà đắc đạo thì tất cả súc sinh đều nên đắc đạo, cho nên trước phải điều phục tâm đó, chẳng điều phục thân, vì nhân duyên đó, ta nói trong kinh chặt phá rừng dây chớ chặt phá cây. Tại sao? Từ rừng sinh sợ, chẳng từ cây sinh, muốn điều phục thân, trước phải điều tâm, tâm dụ như rừng, thân dụ như cây”. Tu-bạt-đà-la nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Con trước đã điều phục tâm”. Phật dạy: “Này thiện nam! Nay ông làm sao có thể điều phục tâm trước?” Tu-bạt-đà-la đáp: “Bạch Đức Thế Tôn! Trước hết con tư duy dục là vô thường vô lạc vô tịnh. Quán sắc tức là thường lạc thanh tịnh, quán như vậy rồi, kết dục giới dứt đoạn, chứng đắc Sắc xứ, cho nên gọi là trước điều phục tâm. Lại nữa, quán sắc. Sắc là vô thường như ung như nhọt như độc như tên, thấy không sắc thường thanh tịnh tĩnh, Quán như vậy rồi, kết sắc giới hết, được vô sắc xứ, cho nên gọi là trước điều phục tâm. Tiếp đến quán tưởng tức là vô thường ung nhọt độc tên. Quán như vậy rồi đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ, phi tưởng phi phi tưởng đó tức Nhất thiết trí tịch tĩnh thanh tịnh, không có sa đọa thường hằng chẳng biến. Cho nên con năng điều phục tâm đó”. Phật dạy: “Này thiện nam! Ông làm sao có thể điều phục tâm, nay ông chứng đắc định phi tưởng phi phi tưởng, còn gọi là tưởng. Niết-bàn không tưởng, sao ông nói đắc Niết-bàn? Này thiện nam! Ông trước đã năng chê trách thô tưởng, nay sao mền đắm tế tưởng, không biết chê trách phi tưởng phi phi tưởng xứ như vậy, nên gọi là tưởng, như ung như nhọt như độc như tên. Này thiện nam! Thầy của ông là Uất-đầu-lam-phất là bậc lợi căn thông minh còn chẳng thể đoạn phi tưởng phi phi tưởng xứ như vậy mà nhận chịu thân xấu ác, hưởng gì những người khác”. “Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao có thể đoạn trừ các hữu?” Phật dạy: “Này thiện nam! Nếu quán thật tướng là người năng

đoạn tất cả các hữu”. Tu-bạt-đà-la nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là thật tướng?” Phật dạy: “Này thiện nam! Tướng của không tướng, gọi là thật tướng”. “Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng của không tướng?” Phật dạy: “Này thiện nam! Tất cả các pháp không có tướng tự tướng tha và tướng tự tha, không tướng không nhân, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng vì tự, không tướng vì tha, không tướng vì tự tha, không tướng có, không tướng không, không tướng sinh, không tướng sinh giả, không tướng nhân, không tướng nhân nhân, không tướng quả không tướng quả quả, không tướng đêm ngày, không tướng tối sáng, không tướng thấy, không tướng thấy giả, không tướng nghe, không tướng nghe giả, không tướng hiểu biết, không tướng hiểu biết giả, không tướng Bồ-đề, không tướng đắc Bồ-đề giả, không tướng nghiệp, không tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, không tướng phiền não chủ. Này thiện nam! Các tướng như vậy v.v... tùy nơi diệt xứ, gọi là tướng chân thật. Này thiện nam! Tất cả các pháp đều là hư giả, tùy diệt xứ đó, đó gọi là thật tướng, đó gọi là pháp giới, gọi là trí rốt ráo, gọi là Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Đệ nhất nghĩa không.